

Số: 18 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng**  
**Trường Đại học Mở-Địa chất**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mở-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất theo quy định hiện hành.



**Trần Đình Quang**





## PHỤ LỤC 1

**Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                       |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 4,00                        | 3                     | 100                             |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 1.2            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            | 3,67                        | 2                     | 66,67                           |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.2            | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | 3,67                        | 2                     | 66,67                           |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            | 3,67                        | 2                     | 66,67                           |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.2            | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            | 3,60                        | 3                     | 60                              |
| Tiêu chí 5.1            | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            | 4,29                        | 7                     | 100                             |
| Tiêu chí 6.1            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 5                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.7            | 5                          |                             |                       |                                 |
| Mức trung bình          |                            | Số tiêu chí đạt             |                       | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)       |
| 3,97                    |                            | 44                          |                       | 88                              |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 4,00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,40                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 8.1            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.3            | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.4            | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 4,20                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 9.1            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.4            | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 3,83                        | 5                  | 83,33                           |
| Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.2           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.3           | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.4           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            | 4,20                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 11.1           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.3           | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.4           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                    |                                 |



## PHỤ LỤC 2

### **Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo**

### **Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Mở-Địa chất**

*(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)*

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng (KT XD) của Trường Đại học Mở-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT KT XD giai đoạn 2015-2019 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với mục tiêu giáo dục đại học Việt Nam, thể hiện được yêu cầu riêng của ngành kỹ thuật xây dựng trong lĩnh vực Mở-Địa chất. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai. Chương trình dạy học có sự cân đối về tỷ lệ các khối kiến thức, phù hợp với mục tiêu CTĐT, có cập nhật những kiến thức mới. Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp với mục tiêu đào tạo và đặc thù từng môn học. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được quy định rõ ràng, với các hình thức đa dạng, được triển khai thực hiện đảm bảo công bằng, khách quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh; có cơ chế phản hồi kết quả học tập kịp thời cho người học. Công tác phát triển đội ngũ được xây dựng và thực hiện căn cứ trên yêu cầu thực tế; đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ □□□□□□ □□□□ trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực công tác và kết quả thực thi nhiệm vụ được quản lý, giám sát và đánh giá. Hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên được thiết lập và triển khai; các hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập, thực hiện các dự án, đồ án tốt nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên... được chú trọng. Hạ tầng cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ tốt các hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống quản lý, giám sát, theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên được thiết lập và vận hành hiệu quả. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được triển khai; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng trong cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, CTĐT kỹ sư KT XD vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu của CTĐT cần được bổ sung năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực tự học và học tập suốt đời, năng lực hướng dẫn và phổ biến kiến thức của người học. Chuẩn đầu ra cần rà soát, điều chỉnh, đảm bảo đo lường và đánh giá được, chú ý đến sự phù hợp về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học. Cần huy động đầy đủ và hiệu quả hơn sự tham gia của các bên liên quan trong việc rà soát, điều chỉnh



mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT; tăng cường hơn nữa việc phổ biến, công khai mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra của CTĐT đến các bên liên quan.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ; ma trận chuẩn đầu ra cần thể hiện rõ nét sự đóng góp của học phần, sự đáp ứng của phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đối với việc đạt được chuẩn đầu ra. Chuẩn đầu ra mỗi học phần cần được xác định rõ ràng hơn và có thể đo lường được. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học cần thể hiện đầy đủ về kiến thức, kỹ năng thái độ mà người học cần đạt được, bảo đảm nội dung các học phần chuyển tải được chuẩn đầu ra CTĐT, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học đối với nghề nghiệp tương lai. Cần bổ sung đầy đủ nguồn lực để thực hiện CTĐT, nhất là điều kiện về phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị dạy và học. Các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích, bảo đảm nội dung các học phần chuyển tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Cần chú ý tham khảo, đối sánh các CTĐT tiên tiến, khảo sát đầy đủ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát trong rà soát điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về Triết lý và Mục tiêu giáo dục của Nhà trường/CTĐT đến các bên liên quan. Triết lý và Mục tiêu giáo dục cần được chuyển tải phù hợp vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá. Cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học, hình thức đào tạo trực tuyến, nghiên cứu vận dụng các phương pháp dạy học kết hợp, lớp học đảo ngược.. phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cần hướng tới hình thành kiến thức, phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá tiếp cận theo chuẩn đầu ra. Cần bổ sung ma trận thể hiện sự đáp ứng của phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đối với việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Cần đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để đánh giá và đối sánh độ chính xác và độ tin cậy của các hình thức kiểm tra đánh giá. Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung cập nhật những chính sách về công tác cán bộ. Cần hoàn thiện khung năng lực và mức năng lực của giảng viên theo vị trí việc làm; triển khai công tác quản lý, đánh giá việc thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên theo các chỉ số cụ thể. Cần rà soát các quy định, điều chỉnh, bổ sung những chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập và bồi



dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chính sách phù hợp. Cần có giải pháp gia tăng hoạt động khoa học công nghệ theo hướng thương mại hóa, gắn liền với nhu cầu thực tiễn.

7. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, phân công và giám sát công việc cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT theo quy định, đánh giá nhân viên theo năng lực và kết quả hoạt động. Cần rà soát, đánh giá công việc thực tế của đội ngũ nhân viên để hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo thực tế; xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để lập kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên và hoạt động phục vụ, hỗ trợ.

8. Cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT; cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học phù hợp vào học CTĐT. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT. Cần tạo dựng môi trường học thuật trong sinh viên, chú trọng tổ chức các seminar học thuật, sinh viên nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật...; tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ số dạy học tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần sớm nâng cấp, thay thế các trang thiết bị cũ, hết khấu hao, đầu tư thêm hệ thống máy tính, trang thiết bị phù hợp cho các phòng thí nghiệm, thực hành; có giải pháp phủ sóng wifi trong toàn trường. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của đầy đủ các bên liên quan, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong phát triển CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Cần gia tăng hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo... của CTĐT KT XD với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần đảm bảo đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đúng quy định. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường việc làm của sinh viên; cần tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

\* \* \*

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

-----